

Số: 16/2017/QĐST-DS

B, ngày 18 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10/8/2017 về việc các đương sự
thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số
72/2017/TLST-DS ngày 04/7/2017

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành
ngày 10/8/2017 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa
thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không
có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành
viên Đ.

Địa chỉ: Số X, NLB, phường TB, thành phố H, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh S – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Đỗ Minh N, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng TM
TNHH MTV Đ chi nhánh B.

- Bà Hoàng Ngọc A, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách phòng KHBL- Chi
nhánh B.

- Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chuyên viên phòng KHBL- Chi nhánh
B.

(Theo văn bản ủy quyền số 272/2017/UQQ-OCEANBANK ngày
18/4/2017 của Phó tổng giám đốc Ngân hàng TM TNHH MTV Đ).

Địa chỉ chi nhánh: Số Z đường HV, thành phố B, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Khúc Thị H, sinh năm: 1971.

HKTT: Số nhà 94, đường Lê Lai, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B,
tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Khúc Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại trách
nhiệm hữu hạn một thành viên Đ toàn bộ số nợ tính đến ngày 09/8/2017 là:

61.039.230 đồng (Sáu một triệu, không trăm ba chín nghìn, hai trăm ba mươi đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 45.596.039 đồng (Bốn lăm triệu, năm trăm chín sáu nghìn, không trăm ba chín nghìn đồng), tổng tiền lãi, phạt là: 15.443.191 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm bốn ba nghìn một trăm chín một đồng), theo phương án sau:

- Ngày 15/11/2017 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 15/12/2017 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 15/01/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 15/02/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 15/3/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 15/4/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 15/5/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/6/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/7/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/8/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/9/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/10/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/11/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/12/2018 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/01/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/02/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/3/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Ngày 15/4/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- Ngày 15/5/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- Ngày 15/6/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- Ngày 15/7/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).
- Ngày 15/8/2019 bà H trả cho Ngân hàng số tiền 1.039.230đồng (Một triệu không trăm ba chín nghìn, hai trăm ba mươi đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ sau ngày 09/8/2017 đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

Khi bà H trả hết tiền gốc cho Ngân hàng, Ngân hàng sẽ xem xét miễn toàn bộ tiền lãi suất cho bà H.

* Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp một trong các bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng một trong những cam kết đã thỏa thuận trên đây thì bên có quyền được yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

2.2 Về án phí: Các bên thỏa thuận

- Bà Khúc Thị H chịu 762.990đồng (Bảy trăm sáu hai nghìn, chín trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TM TNHH MTV Đ chịu 762.990đồng (Bảy trăm sáu hai nghìn, chín trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 1.476.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001800 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho Ngân hàng TM TNHH MTV Đ số tiền 713.010đồng (Bảy trăm mười ba nghìn, không trăm mười đồng) tiền tạm ứng án phí. Xác nhận Ngân hàng TM TNHH MTV Đ đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hà